

TRƯỜNG CĐ CÔNG ĐỒNG KON TUM
KHOA CƠ BẢN-TỔ CHÍNH TRỊ

TẬP BÀI GIẢNG

CHÍNH TRỊ (Phần 2)

(Dùng cho sinh viên trung cấp hệ chính quy)

Giảng viên : Nguyễn Thị Hoài Thu

Kon Tum, ngày 30 tháng 03 năm 2018

CHƯƠNG III

ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

I. SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Hoàn cảnh lịch sử cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX

a) Tình hình thế giới

Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản chuyển từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn độc quyền. Các đế quốc đua nhau xâm lược các nước châu Á, châu Phi và Mỹ la tinh. Sự xâm lược và bóc lột thực dân làm cho nhân dân các thuộc địa rất khổ cực. Mâu thuẫn giữa các đế quốc với các dân tộc thuộc địa và mâu thuẫn giữa các đế quốc với nhau rất gay gắt.

Đầu thế kỷ XX, V.I. Lênin (1870 - 1924) phát triển học thuyết Mác, đưa ra lý luận về đảng vô sản kiểu mới của giai cấp công nhân, về cách mạng vô sản trong điều kiện chủ nghĩa đế quốc; về nhiệm vụ kinh tế và chính trị trong xây dựng chủ nghĩa xã hội... Sự phát triển của chủ nghĩa Mác - Lênin đã thúc đẩy phong trào cách mạng thế giới phát triển.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 làm rung chuyển thế giới, thức tỉnh hàng triệu người, mở ra thời đại cách mạng chống đế quốc và giải phóng dân tộc.

Tháng 3 - 1919, Quốc tế Cộng sản, trung tâm lãnh đạo phong trào cách mạng thế giới được thành lập, thúc đẩy sự ra đời các đảng cộng sản và dẫn đến cao trào cách mạng thế giới (1919 - 1923). Để chuẩn bị cho Đại hội II Quốc tế Cộng sản sẽ họp vào cuối tháng 7 - 1920. V.I. Lênin gửi tới các Đảng cộng sản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa*. Tại Pháp, Nguyễn Ái Quốc được đọc và tìm thấy ở bản *Luận cương* của Lênin con đường cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam.

Cuộc cách mạng Tân Hợi (10 - 1911) ở Trung Quốc, công cuộc Canh tân đất nước của Nhật Bản và phong trào “bất bạo động” của tư sản dân tộc Ấn Độ những năm đầu thế kỷ XX đã tác động tư tưởng, thu hút sự quan tâm của nhiều người yêu nước Việt Nam.

b) Tình hình trong nước

- Sự thống trị và khai thác thuộc địa của thực dân Pháp

Đêm 31 - 8 - 1858, thực dân xâm lược Việt Nam. Tháng 6 - 1884, triều đình nhà Nguyễn ký Hiệp ước Patenôt, từ đó Pháp thiết lập sự thống trị ở toàn Việt Nam¹.

+ Về chính trị, thực dân Pháp thi hành chính sách cai trị trực tiếp theo lối thực dân phản động. Nhân dân ta mất nước trở thành nô lệ, bị đàn áp, bóc lột, cuộc sống vô cùng khổ cực.

+ Về kinh tế, thực dân Pháp củng cố bộ máy thống trị và tiến hành cuộc khai thác thuộc địa Đông Dương lần thứ nhất (1897 - 1914); lần thứ hai (1919 - 1929), trong đó lấy Việt Nam là trọng điểm.

Kết quả là nền kinh tế nước ta có sự phát triển ở mức độ nào đó theo hướng tư bản chủ nghĩa nhưng cơ bản là nền kinh tế thuộc địa, phát triển mất cân đối, hoàn toàn phụ thuộc vào kinh tế tư bản Pháp.

+ Về văn hoá, thực dân Pháp thực hiện chính sách nô dịch về văn hoá

Kết quả là hơn 90% nhân dân ta bị mù chữ, bị bưng bít mọi thông tin tiến bộ từ bên ngoài.

- Sự thay đổi tính chất xã hội và cơ cấu giai cấp xã hội Việt Nam

Dưới sự thống trị của thực dân Pháp, tính chất xã hội Việt Nam đã thay đổi. Việt Nam từ xã hội phong kiến trở thành xã hội thuộc địa, nửa phong kiến, có sự phân hóa giữa các giai cấp.

Dưới tác động của chính sách cai trị và chính sách kinh tế, văn hóa, giáo dục thực dân, xã hội Việt Nam diễn ra quá trình phân hóa sâu sắc

Giai cấp địa chủ là chỗ dựa của đế quốc bóc lột nông dân. Tuy nhiên, trong nội bộ địa chủ Việt Nam lúc này có sự phân hóa, Đa số địa chủ nhỏ và vừa có tinh thần yêu nước, căm ghét chế độ thực dân đã tham gia đấu tranh chống Pháp dưới các hình thức và mức độ khác nhau

Giai cấp nông dân chiếm hơn 90% dân số, bị đế quốc, địa chủ, phong kiến bóc lột, cuộc sống cực khổ, là lực lượng hăng hái, đông đảo nhất của cách mạng.

Tầng lớp tiểu tư sản như buôn bán nhỏ, viên chức, trí thức, học sinh, sinh viên... phát triển khá nhanh, nhạy cảm trước thời cuộc và đời sống bấp bênh nên hăng hái đấu tranh và là lực lượng quan trọng của cách mạng.

Giai cấp tư sản Việt Nam ra đời khoảng năm 1924 gồm bộ phận tư sản mại bản có quyền lợi gắn với đế quốc trở thành tay sai của thực dân Pháp. Bộ phận còn có tinh thần yêu nước nhưng bị tư sản Pháp và tư sản người Hoa cạnh tranh, chèn ép, do đó, thế lực kinh tế và địa vị chính trị của giai cấp tư sản Việt Nam nhỏ bé và yếu ớt.

Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời sớm trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp (1897-1914) và phát triển khá nhanh. Năm 1914 khoảng 10 vạn, đến năm 1929 lên tới 22 vạn. Giai cấp công nhân Việt Nam tuy số lượng ít, ra đời muộn so với công nhân thế giới nhưng mang đầy đủ đặc điểm chung của giai cấp công nhân quốc tế là có tính chất tiên tiến, triệt để

¹ Tháng 8-1863, Pháp xâm lược Campuchia. Tháng 10-1887, Pháp thành lập Liên bang Đông Dương gồm ba kỳ ở Việt Nam và Campuchia. Tháng 10-1893, Xiêm ký hoà ước thừa nhận Pháp được quyền bảo hộ Lào.

cách mạng, tính kỷ luật và tính chất quốc tế. Ngoài ra, giai cấp công nhân Việt Nam còn mang những đặc điểm riêng của mình.

Giai cấp công nhân Việt Nam vừa ra đời sớm chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa Mác- Lênin và cách mạng tháng Mười Nga, đội ngũ tương đối thuần nhất nên trở thành trung tâm đoàn kết mọi giai cấp. Họ có tinh thần dũng cảm, cách mạng nhất, sớm trở thành lực lượng chính trị độc lập lãnh đạo cách mạng.

Trong xã hội Việt Nam nổi lên hai mâu thuẫn cơ bản. Mâu thuẫn cơ bản thứ nhất, đồng thời là mâu thuẫn chủ yếu giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và tay sai. Mâu thuẫn cơ bản thứ hai giữa nhân dân Việt Nam, đa số là nông dân với địa chủ phong kiến. Hai mâu thuẫn này gắn với nhau đòi hỏi đồng thời giải quyết. Độc lập dân tộc và người cày có ruộng là hai yêu cầu cơ bản của xã hội Việt Nam nhưng độc lập dân tộc là yêu cầu cơ bản, chủ yếu nhất vì phản ánh nguyện vọng bức thiết của cả dân tộc Việt Nam ở đầu thế kỷ XX.

- Các phong trào yêu nước theo khuynh hướng phong kiến và tư sản

+ Phong trào yêu nước theo khuynh hướng phong kiến

Sau khi triều đình nhà Nguyễn ký Hiệp ước Patơnốt (6- 6- 1884), phong trào đấu tranh vũ trang chống Pháp dưới sự lãnh đạo của các sĩ phu phong kiến lan rộng khắp cả nước. Tiêu biểu nhất là phong trào Cần Vương (1885- 1896) do vua Hàm Nghi phát động (7-1885) với hàng loạt các cuộc khởi nghĩa vũ trang²; phong trào nông dân Yên Thế (Bắc Giang) do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo (1884- 1913).

Các phong trào yêu nước đó thu hút đông đảo nhân dân tham gia. Tuy nhiên do thiếu đường lối tổ chức đúng đắn, khởi nghĩa nổ ra lẻ tẻ, lực lượng phân tán, nghĩa quân vũ khí, trang bị lạc hậu và thiếu thốn. Thất bại của các phong trào trên chứng tỏ giai cấp phong kiến và hệ tư tưởng phong kiến không đủ điều kiện để lãnh đạo phong trào yêu nước đi đến thành công

+ Phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản

Đầu thế kỷ XX, chịu ảnh hưởng từ bên ngoài, phong trào yêu nước Việt Nam theo khuynh hướng dân chủ tư sản diễn ra sôi nổi theo hai khuynh hướng chính là bạo động và cải cách.

Tiêu biểu cho xu hướng bạo động là Phan Bội Châu với chủ trương tổ chức phong trào Đông Du (1906- 1908), Phong trào cải cách của Phan Châu Trinh.

Sự thất bại của các phong trào đó do thiếu đường lối đúng đắn và phản ánh địa vị kinh tế và chính trị non yếu của giai cấp tư sản Việt Nam.

Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX cách mạng Việt Nam đang ở thời kỳ khủng hoảng, bế tắc về đường lối cứu nước và giai cấp lãnh đạo. Cách mạng Việt Nam ví như “trong đêm tối không có đường ra”.

² Khởi nghĩa Hương Khê, Phan Đình Phùng lãnh đạo (1885- 1896); khởi nghĩa Ba Đình (Thanh Hoá) do Phạm Bành và Đinh Công Tráng tổ chức (1885- 1886); khởi nghĩa Bãi Sậy (Hưng Yên) do Nguyễn Thiện Thuật đứng đầu (1885- 1892)

- Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, chuẩn bị thành lập Đảng và phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản

Trong bối cảnh đó, ngày 5 tháng 6 năm 1911, Nguyễn Ái Quốc rời Tổ quốc ra đi tìm đường cứu nước. Tháng 7-1911, Người đến Pháp và tiếp tục đi qua nhiều nước châu Phi Mỹ, Châu Âu.

Tháng 7-1920, Nguyễn Ái Quốc đọc bản “*Sơ thảo lần thứ nhất Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa*” trên báo Nhân đạo và hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo quốc tế Cộng sản.

Cuối tháng 12 năm 1920, tại Đại hội XVIII của Đảng xã hội Pháp họp ở thành phố Tua (Pháp), Nguyễn Ái Quốc tham gia bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản và thành lập Đảng Cộng sản Pháp. Đây là bước chuyển về chất trong lập trường chính trị của Nguyễn Ái Quốc.

Từ đây người tích cực chuẩn bị về mặt tư tưởng chính trị và tổ chức cho sự ra đời của ĐCSVN.

- Sự ra đời của các tổ chức cộng sản

Tháng 3-1929, tại nhà số 5D, phố Hàm Long (Hà Nội) Chi bộ cộng sản đầu tiên đã thành lập. Ngày 17-6-1929 tại số 312 Khâm Thiên Hà Nội, đại biểu các tổ chức cộng sản ở miền Bắc họp Đại hội, quyết định thành lập *Đông Dương Cộng sản Đảng*, ra Tuyên ngôn, Điều lệ và phát hành báo Búa liềm của Đảng.

Tháng 8 năm 1929, An Nam Cộng sản Đảng ra đời thông qua đường lối chính trị, Điều lệ Đảng và lập Ban lãnh đạo của Đảng.

Tháng 9-1929, một số hội viên tiên tiến của Tân Việt ra Tuyên đạt thông báo thành lập *Đông Dương Cộng sản Liên đoàn*.

Như vậy, chỉ trong vòng bốn tháng ở Việt Nam có ba tổ chức cộng sản ra đời, đều là chính đảng của giai cấp công nhân. Phong trào công nhân kết hợp chặt chẽ với đấu tranh của nông dân chống sưu cao thuế nặng, chống cướp ruộng đất và phong trào bãi khoá của học sinh, bãi thị của tiểu thương dâng cao khắp cả nước.

2. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

a) Hoàn cảnh lịch sử

Từ cuối năm 1929, phong trào cách mạng Việt Nam nhanh chóng trưởng thành cả về mặt lý luận và tổ chức. Đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và nông dân diễn ra sôi nổi và rộng khắp cả nước.

Ba tổ chức cộng sản đầu tiên ở Việt Nam ra đời, chung mục đích nhưng hoạt động riêng rẽ. Tình trạng phân tán về tổ chức có nguy cơ dẫn đến sự chia rẽ lực lượng cách mạng. Yêu cầu thống nhất các tổ chức Đảng để thành Đảng duy nhất đặt ra cấp bách.

Tháng 10 - 1929, Quốc tế Cộng sản gửi thư yêu cầu thống nhất các tổ chức cộng sản ở Việt Nam. Nguyễn Ái Quốc, khi đó đang hoạt động ở Xiêm. Tuy không nhận được thư của Quốc tế

Cộng sản, nhưng biết rõ sự thành lập ba tổ chức cộng sản, Người rời khỏi Xiêm sang Trung Quốc.

Với tầm nhìn rộng lớn và tư cách là Ủy viên Bộ Phương Đông, phụ trách cục Phương Nam của Quốc tế cộng sản, Người chủ động triệu tập các đại biểu, dự thảo văn kiện, chuẩn bị địa điểm, cách thức tổ chức Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản.

Kết quả Hội nghị thành lập Đảng

Hội nghị hợp nhất các tổ chức Cộng sản, diễn ra từ ngày 6 - 1 đến ngày 7 - 2 - 1930, vào dịp Tết Canh Ngọ, tại bán đảo Cửu Long, Hương Cảng (Trung Quốc).

Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản nhất trí thông qua 5 nội dung là xoá bỏ mọi thành kiến xung đột cũ, thành thật hợp tác để thống nhất các nhóm cộng sản Đông Dương. Định tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam; thảo luận Chính cương và Điều lệ sơ lược của Đảng; định kế hoạch thống nhất Đảng ở trong nước và cử Ban Trung ương lâm thời.

Ngày 8 - 2 - 1930, Nguyễn Ái Quốc viết *Lời kêu gọi*: Đảng Cộng sản Việt Nam đã được thành lập. Chúng ta cần gia nhập Đảng, ủng hộ Đảng và đi theo Đảng để đấu tranh giải phóng dân tộc và giai cấp bị bóc lột.

Ngày 24 - 2 - 1930, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam. Sau đó các tổ chức Đảng trong nước lần lượt thống nhất thành các Chi bộ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Hội nghị hợp nhất các tổ chức Cộng sản mang ý nghĩa như Đại hội thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9 - 1960) ra quyết định lấy ngày 3 - 2 dương lịch hàng năm làm ngày kỷ niệm thành lập Đảng.

b) Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

Các văn kiện *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt* được Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản Việt Nam thông qua (2 - 1930) hợp thành *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* của Đảng Cộng sản Việt Nam. Cương lĩnh vắn tắt nhưng đầy đủ những vấn đề chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam.

Phương hướng chiến lược của cách mạng Việt Nam là "làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản". Nói cách khác là làm cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và tiến lên chủ nghĩa cộng sản.

Nhiệm vụ của cách mạng: Về chính trị: Đánh đổ đế quốc Pháp và phong kiến, làm cho nước An Nam được hoàn toàn độc lập, lập ra chính phủ công nông binh; tổ chức ra quân đội công nông.

Về kinh tế: Thu hết các thứ quốc trái; tịch thu toàn bộ sản nghiệp lớn như công nghiệp, vận tải, ngân hàng, v.v của tư bản đế quốc chủ nghĩa Pháp để giao cho chính phủ công nông binh quản lý. Tịch thu hết ruộng đất của đế quốc Pháp để làm của công và chia cho dân cày nghèo. Bỏ sưu thuế cho dân cày nghèo; mở mang công nghiệp và nông nghiệp; thi hành luật ngày làm 8 giờ.

Về văn hoá- xã hội: Dân chúng được tự do tổ chức; nam nữ bình quyền, v.v; phổ thông giáo dục theo công nông hoá.

Về lực lượng cách mạng: Đảng phải thu phục cho được đại bộ phận dân cày và phải dựa vững vào dân cày nghèo làm thổ địa cách mạng. Đảng hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông ... để kéo họ về phe giai cấp vô sản. Đối với phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư sản chưa ra mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng làm cho họ trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng thì phải đánh đổ.

Về lãnh đạo cách mạng: Giai cấp vô sản là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Đảng là đội tiền phong của vô sản giai cấp phải thu phục được đa số giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo dân chúng. Khi đoàn kết với các giai cấp, không thể nhượng bộ, thoả hiệp chút lợi ích gì của công nông.

Về phương pháp cách mạng: Sử dụng bạo lực cách mạng giành chính quyền. Tổ chức ra quân đội công nông để bảo vệ thành quả cách mạng, đập tan sự phản kháng của kẻ thù.

Về quan hệ quốc tế: Cách mạng Việt Nam là bộ phận của cách mạng thế giới, thực hành liên lạc với các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản thế giới, nhất là vô sản Pháp.

Cương lĩnh chính trị đầu tiên là sự vận dụng tư tưởng cách mạng của Nguyễn Ái Quốc, giải đáp đúng đắn những vấn đề cơ bản nhất của cách mạng Việt Nam và phù hợp với xu thế thời đại. Tư tưởng cốt lõi của Cương lĩnh là tiến hành cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới, giành độc lập dân tộc đi lên chủ nghĩa xã hội.

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng ra đời đã quy tụ lực lượng và sức mạnh của Đảng, đặt nền tảng đoàn kết giai cấp công nhân và toàn dân tộc. Đó là đặc điểm và ưu thế của Đảng Cộng sản Việt Nam so với các lực lượng cách mạng khác. Với Cương lĩnh chính trị đầu tiên đúng đắn và tổ chức chặt chẽ, Đảng Cộng sản Việt Nam có khả năng và điều kiện trở thành lực lượng duy nhất lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

c) Ý nghĩa sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời vào năm 1930 là tất yếu lịch sử; là kết quả của cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp, sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam.

Việc thành lập Đảng là một bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt Nam; chấm dứt thời kỳ bế tắc, khủng hoảng về đường lối cứu nước và giai cấp lãnh đạo cách mạng. Nó chứng tỏ rằng giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng. Đây là sự chuẩn bị đầu tiên, quyết định sự phát triển của dân tộc Việt Nam về sau.

Với Cương lĩnh chính trị đúng đắn và hệ thống tổ chức chặt chẽ, Đảng Cộng sản Việt Nam vừa ra đời đã nắm được vai trò lãnh đạo duy nhất đối với phong trào cách mạng, là trung tâm đoàn kết giai cấp, đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã đưa cách mạng Việt Nam là bộ phận của cách mạng thế giới. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam gắn liền với công lao to lớn của Nguyễn Ái Quốc, người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

II. ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG THỜI KỲ TRƯỚC ĐỔI MỚI (1930 - 1986)

1. Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945)

a. Nội dung cơ bản của đường lối.

- Các văn kiện hình thành đường lối: Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (2 – 1930), Luận cương chính trị của Đảng (10 – 1930), văn kiện Đại hội lần I của Đảng, hội nghị trung ương lần 8 (5 – 1941) do Nguyễn Ái Quốc chủ trì. . .

- Nội dung cơ bản của đường lối.

*** Trong những năm 1930 -1935.**

Chủ trương khôi phục tổ chức Đảng và phong trào cách mạng.

- Ngay từ khi mới ra đời Đảng đã phát động được phong trào cách mạng rộng lớn: Xô viết nghệ tĩnh.

- Tuy bị thực dân pháp thẳng tay đàn áp, tàn sát song thành quả lớn nhất của phong trào cách mạng mà quân thù không thể xóa bỏ được là:

+ Đã khẳng định được trong thực tế quyền lãnh đạo và năng lực lãnh đạo CM của giai cấp công nhân thông qua đảng tiên phong của mình.

+ Đem lại cho quần chúng công nông lòng tự tin ở sức lực của bản thân mình và niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng.

Cao trào cách mạng 1930 - 1931 được ví như cuộc tổng diễn tập đầu tiên cho thắng lợi của cách mạng tháng Tám sau này.

- Tháng 3/1935 đại hội đại biểu lần thứ nhất của đảng họp ở Ma cao – TQ đề ra 3 nhiệm vụ trước mắt:

+ Củng cố và phát triển Đảng

+ Đẩy mạnh cuộc vận động và thu phục quần chúng

+ Mở rộng tuyên truyền chống đế quốc, chống chiến tranh, ủng hộ Liên Xô.

*** Trong những năm 1936**

Trong những năm 1936 – 1939 chủ trương mới của Đảng đã giải quyết đúng đắn những vấn đề cơ bản của CMVN lúc bấy giờ và cùng với các nghị quyết của BCHTW thời kỳ này đã đánh dấu bước trưởng thành của Đảng về chính trị và tư tưởng, thể hiện bản lĩnh và tinh thần tự chủ, sáng tạo của Đảng, mở ra một cao trào mới trong cả nước.

*** Trong những năm 1939 – 1945.**

- Hoàn cảnh lịch sử và sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng

Tình hình thế giới.

Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ:

- Ngày 1/9/1939 phát xít Đức tấn công Ba lan, Anh và Pháp tuyên chiến với Đức, chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ
- Tháng 6/1940 Đức tấn công Pháp
- Ngày 22/6/1941 quân phát xít Đức tấn công Liên Xô. Tính chất chiến tranh đế quốc chuyển thành chiến tranh giữa các lực lượng dân chủ do Liên Xô làm trụ cột với các lực lượng phát xít do Đức cầm đầu

Tình hình trong nước:

- CTTG lần thứ hai đã ảnh hưởng mạnh mẽ và trực tiếp đến đông dương và Việt Nam
- Ngày 22/9/1940 Nhật đổ bộ vào hải phòng
- Ngày 23/9/1940 tại Hà Nội Pháp ký hiệp định đầu hàng Nhật, từ đó nhân dân ta chịu cảnh một cổ hai tròng, làm cho mâu thuẫn giữa nhân dân ta với ĐQ Pháp và phát xít Nhật gay gắt hơn bao giờ hết.
- **Nội dung chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược.**

Sau khi CTTG lần thứ hai bùng nổ BCHTW Đảng họp và quyết định chuyển hướng chỉ đạo chiến lược như sau:

- Đưa nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu
- Quyết định thành lập mặt trận Việt minh để đoàn kết, tập hợp lực lượng cách mạng nhằm mục tiêu giải phóng dân tộc.
- Quyết định xúc tiến chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm hiện nay.
- Chú trọng công tác xây dựng Đảng, đào tạo cán bộ và vận động quần chúng.

b. Thắng lợi của cách mạng tháng 8 năm 1945.

Phát động cao trào kháng Nhật cứu nước và đẩy mạnh khởi nghĩa từng phần

Phát động cao trào kháng Nhật cứu nước:

- Cuối 1944 đầu 1945 chiến tranh thế giới lần thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc
- 9/3/1945 Nhật đảo chính Pháp để độc chiếm Đông Dương -> Pháp đầu hàng Nhật.
- Đêm 9/3/1945 ban thường vụ TW Đảng họp hội nghị mở rộng, ngày 12/3/1945 ra chỉ thị “ Nhật, pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”

Tổng khởi nghĩa tháng 8 - 1945.

- Ngày 9/5/1945 Đức đầu hàng không điều kiện Hồng quân Liên xô, ở châu á phát xít Nhật đang đi đến chỗ thất bại hoàn toàn.
- TW quyết định họp hội nghị toàn quốc của Đảng tại Tân Trào (Tuyên Quang) từ 13 – 15/8/1945.
- Hội nghị nhận định cơ hội tốt cho ta giành chính quyền đã tới và quyết định phát động toàn dân tổng khởi nghĩa giành chính quyền.
- Nguyên tắc chỉ đạo khởi nghĩa là: Tập trung thống nhất và kịp thời, đánh ngay những nơi chắc thắng không kể là thành phố hay nông thôn.
- Về đối nội: lấy 10 chính sách lớn của Việt Minh là chính sách cơ bản của chính quyền cách mạng
- Về đối ngoại thực hiện nguyên tắc bình đẳng, hợp tác, thêm bạn, bớt thù
- Đêm 13/8/1945 UB khởi nghĩa toàn quốc ra lệnh tổng khởi nghĩa.

- Ngày 16/8/1945 đại hội quốc dân họp tại Tân trào ủng hộ chủ trương tổng khởi nghĩa của Đảng, mười chính sách của Việt Minh và quyết định thành lập UBGPDTVN

- 19/8/1945 dưới sự lãnh đạo của thành ủy Hà nội, quần chúng sau khi dự mít tinh đã rầm rộ xuống đường biểu tình, tuần hành làm cho hơn 1 vạn quân Nhật ở hà nội đã bị tê liệt -> chính quyền về tay nhân dân. . .

- **Kết quả, ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của cách mạng tháng tám.**

Kết quả, ý nghĩa

- Đã đập tan xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp trong gần một thế kỷ, lật nhào chế độ quân chủ hàng mấy nghìn năm và ách thống trị của phát xít Nhật, lập nên nước VNDCCH, nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở đông nam á.

- Nhân dân VN từ thân phận nô lệ trở thành người dân của nước độc lập, tự do, làm chủ vận mệnh của mình.

- Đưa dân tộc ta bước vào một kỷ nguyên mới: kỷ nguyên độc lập – tự do và CNXH.

- Đảng và nhân dân ta đã góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin.

- Cổ vũ mạnh mẽ nhân dân các nước thuộc địa và nửa thuộc địa đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc thực dân giành độc lập tự do.

Nguyên nhân thắng lợi

Cách mạng tháng tám nổ ra trong bối cảnh quốc tế có nhiều thuận lợi

- Nhật bị Liên xô và các lực lượng dân chủ thế giới đánh bại.

- Là kết quả tổng hợp của 15 năm đấu tranh gian khổ của toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- Cách mạng tháng tám thắng lợi là nhờ Đảng đã tổ chức được lực lượng vĩ đại.

- Đảng có đường lối cách mạng đúng đắn...vv

⇒ Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố chủ yếu nhất quyết định thắng lợi của cách mạng tháng tám năm 1945.

Bài học kinh nghiệm.

- Giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, kết hợp đúng đắn hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến
- Toàn dân nổi dậy trên nền tảng khối liên minh công – nông
- Lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù, tranh thủ hoặc trung lập những phần tử lưỡng chùng
-> cách mạng giành thắng lợi nhanh gọn, ít đổ máu.
- Kiên quyết dùng bạo lực cách mạng và biết sử dụng bạo lực cách mạng một cách thích hợp để đập tan bộ máy nhà nước cũ, lập ra bộ máy nhà của nước nhân dân.
- Nắm vững nghệ thuật khởi nghĩa và nghệ thuật chọn đúng thời cơ
- Xây dựng một đảng Mác – Lê nin đủ sức lãnh đạo tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

2. Đường lối cách mạng Việt Nam (1945 – 1975)

a. Đường lối xây dựng và bảo vệ chính quyền và kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)

+ *Đường lối xây dựng và bảo vệ chính quyền (1945 - 1946)*

- *Hoàn cảnh lịch sử*

Từ tháng 9 - 1945, chính quyền cách mạng được thiết lập trên cả nước nhưng ở tình thế hiểm nghèo trước *giặc đói, giặc dốt* và nguy hiểm nhất là *giặc ngoại xâm*. Đầu năm 1945, ở phía Bắc, hơn 2 triệu người chết đói; tài chính Nhà nước kiệt quệ, hơn 90% dân số mù chữ... Gần 20 vạn quân Tưởng vào miền Bắc thu vũ khí của quân Nhật, kéo theo bọn phản động Việt Quốc, Việt Cách âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng. Phía nam vĩ tuyến 16, quân Pháp núp bóng hơn một vạn quân Anh nổ súng, âm mưu xâm lược nước ta lần nữa. Vận mệnh chính quyền non trẻ ví như “ngàn cân treo sợi tóc”.

- *Chủ trương của Đảng*

Ngay sau khi lập chính quyền Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương thực hiện 6 nhiệm vụ cấp bách là cứu đói, xoá mù chữ, tổ chức tổng tuyển cử, xoá bỏ mọi thứ thuế vô nhân đạo, nghiêm cấm hút thuốc phiện và thực hiện tự do tín ngưỡng, lương giáo đoàn kết.

Chỉ thị *Kháng chiến kiến quốc* của Đảng chỉ rõ bốn nhiệm vụ chủ yếu là củng cố chính quyền, chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống nhân dân.

Để tránh mũi nhọn chống phá của các loại kẻ thù, Đảng ta tuyên bố giải tán (11-1945), thực chất là rút vào hoạt động bí mật. Chính quyền non trẻ đã tiến hành nhiều biện pháp để xây dựng

và bảo vệ chính quyền như phát động phong trào tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm “Hũ gạo cứu đói”, phát động “tuần lễ vàng”, mở phong trào “bình dân học vụ”, diệt giặc dốt...

Về ngoại giao, Đảng chủ trương hoà hoãn, nhân nhượng với quân Tưởng để tập trung chống thực dân Pháp ở miền Nam.

Kết quả và ý nghĩa: cuộc Tổng tuyển cử thắng lợi trên cả nước, Quốc hội, Chính quyền chính thức ra đời (1 - 1946), công bố Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà (11 - 1946). Với chủ trương kiên quyết, khéo léo, mềm dẻo đó, Đảng đã đưa đất nước vượt qua thử thách hiểm nghèo, củng cố thành quả cách mạng tháng Tám, tranh thủ thời gian hoà bình để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến kháng chiến sau này.

+ Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 - 1954)

- Hoàn cảnh lịch sử bùng nổ cuộc kháng chiến toàn quốc

Ngày 28 - 2 - 1946, Pháp - Tưởng ký Hiệp Ước Trùng Khánh mua bán quyền lợi với nhau để chống cách mạng Việt Nam. Ngày 4-3-1946, Đảng ta kịp thời ra Chỉ thị *Hoà để tiến*. Ngày 6 - 3 - 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ ký *Hiệp định sơ bộ* và ngày 14 - 9 - 1946 ký *Tạm Ước* đồng ý để quân Pháp ra Bắc thay thế quân Tưởng rút về nước³ để tránh chiến tranh có thể xảy ra.

Nhưng thực dân Pháp đã trắng trợn vi phạm, từ tháng 11 - 1946, quân Pháp tấn công Hải Phòng, Lạng Sơn, tàn sát đồng bào ta ở Hà Nội và ngày 18 - 12 - 1946 ra tối hậu thư đòi tước vũ khí tự vệ ở thủ đô. Trước tình hình đó, chiều ngày 18 - 12 - 1946, Thường vụ Trung ương Đảng do Hồ chủ tịch chủ trì họp tại Vạn Phúc (Hà Nội) phân tích khả năng hoà hoãn không còn nữa và phát động kháng chiến toàn quốc. Sáng 20 - 12 - 1946, *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Hồ Chủ tịch được Đài tiếng nói Việt Nam phát sóng; cuộc kháng chiến toàn quốc bắt đầu.

- Nội dung cơ bản đường lối kháng chiến

Chỉ thị “*Kháng chiến kiến quốc*” (25 - 11 - 1945), “*Toàn dân kháng chiến*” (22 - 12 - 1946); “*Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*”, tác phẩm “*Kháng chiến nhất định thắng lợi*” (1947) hợp thành đường lối kháng chiến của Đảng. Nội dung cơ bản của đường lối khẳng định:

Cuộc kháng chiến của nhân dân ta chống thực dân Pháp xâm lược là chính nghĩa, có tính chất dân tộc và dân chủ. Đây là cuộc chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính giành độc lập, tự do, thống nhất, thực hành dân chủ nhân dân.

Kháng chiến toàn dân là dựa vào sức mạnh của nhân dân, tổ chức toàn dân kháng chiến. Cả nước là một mặt trận, mỗi làng xóm là pháo đài, mỗi người dân là một chiến sĩ.

³. Số quân này đóng ở những nơi quy định và rút khỏi Việt Nam trong 5 năm. Chính phủ Pháp công nhận nước ta là quốc gia tự do có chính phủ và tài chính riêng trong Liên bang Đông Dương và khối Liên hiệp Pháp.

Kháng chiến toàn diện, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc để đánh bại chiến tranh tổng lực của địch ta phải xây dựng lực lượng và chống địch trên tất cả các mặt chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá, ngoại giao.

Về *chính trị*, thực hiện đoàn kết toàn dân, củng cố khối liên minh công, nông và trí thức, mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất và các đoàn thể cứu quốc; xây dựng nhà nước dân chủ cộng hoà và bộ máy kháng chiến từ trung ương đến địa phương; đẩy mạnh đấu tranh chính trị ở cả thành thị và nông thôn.

Về *quân sự*, chăm lo vũ trang toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân ba thứ quân. Quán triệt tư tưởng tiến công, phương châm đánh lâu dài, đánh địch bằng chiến tranh du kích kết hợp chính quy, bằng quân sự, chính trị và binh vận, toàn dân đánh giặc.

Về *kinh tế*, vừa tiến hành kháng chiến, vừa kiến quốc, vừa phá kinh tế địch, vừa xây dựng kinh tế ta, kết hợp giảm tô tức, cải cách ruộng đất, xây dựng nền kinh tế thời chiến.

Về *văn hoá*, kết hợp chống lại văn hoá nô dịch của địch, xây dựng nền văn hoá mới của nhân dân với ba nguyên tắc dân tộc, khoa học và đại chúng.

Về *ngoại giao*, đấu tranh mở rộng quan hệ quốc tế làm cho nhân dân thế giới kể cả nhân dân Pháp hiểu và ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân ta nhưng không được ỷ lại.

Kháng chiến lâu dài và dựa vào sức mình là chính, tranh thủ thời gian chuyển hoá lực lượng của ta từ yếu thành mạnh. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược lâu dài, gian khổ, khó khăn song nhất định thắng lợi.

Kết quả: Thực hiện đường lối kháng chiến của Đảng, quân dân ta liên tục tổ chức đánh thắng quân Pháp. Quân dân Hà Nội anh dũng chiến đấu kìm chân quân Pháp trong 60 ngày đêm, tạo điều kiện để chính phủ và nhân dân rút về Việt Bắc. Thu đông năm 1947, quân dân ta giành thắng lợi lớn trong chiến dịch Việt Bắc. Thu đông năm 1950, ta chủ động tấn công và giành thắng lợi chiến dịch Biên giới, mở ra quan hệ ngoại giao Trung Quốc, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

- *Đại hội đại biểu lần thứ hai của Đảng (2 - 1951)*

Đây là Đại hội đầu tiên họp ở trong nước, tại Chiêm Hoá, Tuyên Quang. Dự Đại hội có 158 đại biểu chính thức, 53 đại biểu dự khuyết thay mặt cho 766.000 đảng viên cả nước.

Đại hội quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai và tổ chức Đảng riêng ở từng nước. Ở Việt Nam, Đảng lấy tên là Đảng lao động Việt Nam. Đại hội đã hoàn thiện đường lối kháng chiến, quyết tâm đưa kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn. Đại hội đã bầu Trường Chinh là Tổng Bí thư Đảng.

Kết quả: Thực hiện đường lối kháng chiến, Đảng chủ trương giảm tô 25%, bước đầu thực hiện cải cách ruộng đất. Lực lượng vũ trang liên tiếp mở các chiến dịch quân sự lớn, giải phóng nhiều vùng trên cả nước.

Tháng 12 - 1953, Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ. Chiến dịch mở màn ngày 13 - 3 - 1954, trải qua 56 ngày đêm, đến ngày 7 - 5 - 1954 thắng lợi hoàn toàn. Bộ đội ta bắt sống toàn bộ Bộ Chỉ huy tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, tiêu diệt và bắt 16.200 quân địch, hạ 62 máy bay, thu toàn bộ vũ khí và phương tiện chiến tranh.

Ngày 8 - 5 - 1954, hội nghị Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Đông Dương khai mạc. Ngày 21 - 7 - 1954, Hiệp định Giơnevơ được ký kết. Pháp và các nước tham gia hội nghị ký kết hiệp định tôn trọng độc lập chủ quyền của nước Việt Nam. Hoà bình lập lại trên toàn cõi Đông Dương. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ của nhân dân Việt Nam thắng lợi hoàn toàn.

- Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử

+ Nguyên nhân thắng lợi

Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Đảng đề ra đường lối kháng chiến đúng đắn, sáng tạo. Công tác tư tưởng, công tác tổ chức của Đảng đã động viên toàn dân vì “Tổ Quốc trên hết”, quyết tâm đánh giặc. Đảng có phương pháp cách mạng đúng đắn và có những tấm gương hy sinh anh dũng như Bế Văn Đàn, Phan Đình Giót, Tô Vĩnh Diện... và rất nhiều cán bộ, đảng viên khác.

Toàn dân đoàn kết trong mặt trận Liên Việt; chính quyền dân chủ nhân dân là công cụ sắc bén tổ chức toàn dân kháng chiến và xây dựng chế độ mới.

Lực lượng vũ trang anh hùng do Đảng lãnh đạo, có nghệ thuật quân sự tài giỏi, ý chí cách mạng kiên cường.

Tình đoàn kết chiến đấu giữa ba dân tộc Việt Nam, Lào, Campuchia và sự ủng hộ, giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô và nhân dân thế giới, cả nhân dân Pháp.

+ Ý nghĩa lịch sử

Thắng lợi kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ buộc thực dân Pháp phải thừa nhận độc lập chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Đông Dương. Chúng ta đã bảo vệ được thành quả cách mạng tháng Tám 1945, chính quyền nhân dân được củng cố, lực lượng vũ trang nhân dân trưởng thành. Miền Bắc nước ta hoàn toàn giải phóng bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Thắng lợi kháng chiến của nhân dân Việt Nam góp phần đánh bại chủ nghĩa thực dân cũ, là tấm gương cổ vũ các dân tộc thuộc địa, phụ thuộc trong cuộc đấu tranh giành độc lập. Thắng lợi đó đã chứng minh chân lý “Một dân tộc dù đất không rộng, người không đông, nếu quyết tâm chiến đấu vì độc lập, tự do, có đường lối chính trị, quân sự đúng đắn, được sự ủng hộ quốc tế thì hoàn toàn có thể giành thắng lợi”.

+ Kinh nghiệm lịch sử

Một là, xác định đường lối kháng chiến đúng đắn và không ngừng bổ sung, hoàn chỉnh trong quá trình tiến hành kháng chiến..

Hai là, vừa kháng chiến vừa xây dựng chế độ mới, hậu phương vững chắc cho cuộc kháng chiến.

Ba là, không ngừng mở rộng và tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân thế giới đối với kháng chiến.

Bốn là, đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong kháng chiến.

b. Đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)

+ *Giai đoạn 1954 - 1964*

- *Hoàn cảnh lịch sử*

- Sau năm 1954, miền Bắc nước ta được giải phóng, quá độ xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ở miền Nam, đế quốc Mỹ phá hoại Hiệp định Giơnevơ, âm mưu chia cắt lâu dài miền Nam nước ta thành thuộc địa kiểu mới, phòng tuyến chống chủ nghĩa cộng sản, căn cứ quân sự khống chế các nước trong vùng. Thực hiện âm mưu đó, Mỹ lập chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, tăng cường khủng bố, đưa máy chém đi khắp miền Nam đàn áp dã man những người cách mạng.

- *Chủ trương của Đảng*

Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 7 (3 - 1955), lần thứ 8 (8 - 1955) nhận định đế quốc Mỹ là kẻ thù trực tiếp của nhân dân ta. Nhiệm vụ đặt ra là sức củng cố miền Bắc đồng thời giữ vững và đẩy mạnh đấu tranh của nhân dân miền Nam.

Tháng 12 - 1956, xứ uỷ Nam Bộ do Bí thư Lê Duẩn đứng đầu thông qua *Đề cương cách mạng miền Nam*, vạch rõ con đường cách mạng miền Nam là dùng bạo lực cách mạng đánh đổ chính quyền Ngô Đình Diệm.

Nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ 15 (1 - 1959) khẳng định con đường cơ bản của cách mạng miền Nam là sử dụng bạo lực cách mạng, khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang đánh đổ chính quyền độc tài của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng; giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc, phong kiến, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Nghị quyết Trung ương 15 thể hiện tinh thần độc lập, tự chủ và sáng tạo của Đảng, đáp ứng nhu cầu bức thiết của cách mạng Miền Nam. Theo Nghị quyết, các con đường chi viện cho cách mạng miền Nam- “đường Hồ Chí Minh” dần được xây dựng.

Kết quả: Từ đầu năm 1960, phong trào Đồng khởi bùng nổ toàn miền Nam, giải phóng nhiều vùng đất đai. Ngày 20 - 12 - 1960, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam thành lập. Cách mạng miền Nam chuyển mạnh từ thế giữ gìn lực lượng chuyển sang thế tiến công ngày càng mạnh mẽ.

+ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9 - 1960)

Đại hội họp tại Hà Nội vào tháng 9 năm 1960. Dự Đại hội có 525 đại biểu chính thức, 51 đại biểu dự khuyết thay mặt cho 50 vạn đảng viên cả nước. Đại hội quyết định xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hoà bình thống nhất nước nhà. Đại hội đã bầu Lê Duẩn là Tổng Bí thư Đảng.

Đường lối chung của cách mạng Việt Nam là tăng cường đoàn kết toàn dân, đồng thời đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc, dân chủ ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà, xây dựng Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần tăng cường phe xã hội chủ nghĩa, bảo vệ hoà bình ở Đông Nam Á và thế giới.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của cách mạng Việt Nam và sự nghiệp đấu tranh thống nhất nước nhà.

Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam giữ vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai, thực hiện thống nhất nước nhà.

Nhiệm vụ cách mạng ở miền Bắc và ở miền Nam thuộc hai chiến lược khác nhau, nhưng tiến hành đồng thời, có quan hệ mật thiết, thúc đẩy lẫn nhau nhằm giải quyết mâu thuẫn chung giữa nhân dân ta với đế quốc Mỹ và tay sai, thực hiện mục tiêu chung trước mắt là hoà bình thống nhất Tổ quốc.

+ Lãnh đạo đánh thắng chiến tranh đặc biệt của đế quốc Mỹ (1961 - 1965)

Từ năm 1961, đế quốc Mỹ áp dụng “chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam, âm mưu củng cố nguy quyền, tăng cường quân nguy bằng vũ khí hiện đại “trực thăng vận”, “thiết xa vận”, lập hệ thống “ấp chiến lược”, thực hiện “tát nước, bắt cá” tiêu diệt cộng sản.

Trước âm mưu của Mỹ nguy, Đảng quyết định thành lập *Quân giải phóng miền Nam Việt Nam* (2 - 1961) và *Trung ương Cục miền Nam* (10 - 1961). Chiến thắng quân sự Ấp Bắc (1 - 1963) trước càn quét của quân Mỹ nguy đã mở ra khả năng chủ lực địch không thể thắng được chủ lực ta. Tháng 1 - 1963, tổng thống Mỹ Kenơđi bị ám sát. Tháng 11 - 1963, chính quyền Ngô Đình Diệm sụp đổ.

Hội nghị Trung ương 9 khoá III (12 - 1963) chủ trương giữ vững và phát triển thế tiến công; đưa đấu tranh vũ trang phát triển song song với đấu tranh chính trị; tiến công địch trên cả ba vùng chiến lược bằng ba mũi giáp công; phát triển khởi nghĩa từng phần thành chiến tranh cách mạng

trên toàn miền Nam; tranh thủ thời cơ thuận lợi, tập trung lực lượng quyết tâm giành những thắng lợi có tính chất quyết định trong vài năm tới.

Thực hiện chủ trương đó, quân dân miền Nam nổi dậy phá vỡ hàng vạn ấp chiến lược của Mỹ - nguỵ, mở rộng vùng giải phóng. Các chiến thắng Bình Giã, Bà Rịa (12 - 1964), Ba Gia, Quảng Ngãi và Đồng Xoài, Bình Phước (5 - 1965) mở ra khả năng mới là chủ lực Mỹ nguỵ có thể thất bại trước chủ lực ta. Trong năm 1964, chính quyền nguỵ liên tục đảo chính tới hàng chục lần. “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ - nguỵ bị phá sản hoàn toàn.

+ *Giai đoạn 1965 - 1975*

- *Hoàn cảnh lịch sử*

Để cứu vãn nguy cơ sụp đổ của nguỵ Sài Gòn, đế quốc Mỹ tiến hành chiến lược “*chiến tranh cục bộ*”, đưa cuộc chiến tranh ở Việt Nam tới nấc thang cao nhất. Ngày 5- 8- 1964, Mỹ dựng lên “*Sự kiện vịnh Bắc bộ*” dùng không quân và hải quân ném bom bắn phá miền Bắc. Từ tháng 3 - 1965, Mỹ ồ ạt đưa hàng chục vạn quân viễn chinh Mỹ và quân các nước theo Mỹ vào miền Nam hòng tìm diệt, “*bình định*” trong vòng 18 tháng.

- *Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*

Hội nghị Trung ương lần thứ 11 (3 - 1965), Hội nghị lần thứ 12 (12 - 1965) của Đảng đã đề ra đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Nội dung chủ yếu khẳng định:

Chiến tranh cục bộ do đế quốc Mỹ tiến hành là cuộc chiến tranh xâm lược, thực hiện trong thế bị động, chứa đựng đầy mâu thuẫn về chiến lược. Đế quốc Mỹ không thể cứu vãn được tình thế bế tắc, thất bại của chúng ở miền Nam. Chiến tranh sẽ gay go, ác liệt nhưng Việt Nam có đủ điều kiện và sức mạnh để đánh Mỹ và thắng Mỹ.

Mục tiêu chiến lược của toàn Đảng, toàn dân ta là “*Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược*” trong bất cứ tình huống nào để bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới hoà bình thống nhất đất nước.

Phương châm chỉ đạo chiến lược kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là đẩy mạnh chiến tranh nhân dân chống Mỹ ở miền Nam đồng thời chống chiến tranh phá hoại của Mỹ ở miền Bắc. Thực hiện kháng chiến lâu dài, dựa vào sức mình là chính; cố gắng đến mức độ cao nhất, tập trung lực lượng ở cả hai miền, mở những cuộc tiến công lớn, tranh thủ thời cơ giành thắng lợi quyết định trong thời gian ngắn ở chiến trường miền Nam.

Tư tưởng chỉ đạo đấu tranh ở miền Nam là giữ vững và phát triển thế tiến công, kiên quyết tiến công và liên tục tiến công. Kiên trì kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị, triệt để thực hiện ba mũi giáp công: chính trị, quân sự và binh vận, trong đó đấu tranh quân sự có tác dụng quyết định trực tiếp, giữ vị trí ngày càng quan trọng.

Tư tưởng chỉ đạo đối với miền Bắc là kịp thời chuyển hướng xây dựng kinh tế trong điều kiện có chiến tranh phá hoại; xây dựng miền Bắc vững mạnh về kinh tế và quốc phòng; tiến hành chiến tranh nhân dân, kiên quyết đánh trả chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Động viên sức người, sức của ở mức cao nhất để chi viện chiến trường.

Miền Nam là tiền tuyến lớn, miền Bắc là hậu phương lớn. Quyết tâm của quân dân cả nước là *“Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, “Hết còn một tên giặc Mỹ trên đất nước ta thì ta còn phải chiến đấu quét sạch nó đi”*.

Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thể hiện tinh thần độc lập tự chủ, sáng tạo, tinh thần cách mạng tiến công, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc của Đảng. Đường lối đó cũng là ý chí, nguyện vọng của toàn Đảng, toàn quân dân ta vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đó là đường lối chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính được phát triển trong hoàn cảnh mới, tạo nên sức mạnh của dân tộc, quyết đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Hội nghị Trung ương 13 của Đảng (1 - 1967) chủ trương mở rộng đấu tranh ngoại giao nhằm tranh thủ sự ủng hộ quốc tế, hỗ trợ cho đấu tranh chính trị và quân sự của quân dân ta. Hội nghị Trung ương 14 (1 - 1968) quyết định mở cuộc Tổng công kích và nổi dậy đồng loạt Tết Mậu Thân 1968.

Kết quả: Quân dân miền Bắc tổ chức lại sản xuất, thực hiện “tay cày tay súng”, “tay búa tay súng”, tổ chức phòng tránh, sơ tán dân cư tại các thành phố lớn, đánh trả máy bay Mỹ với tinh thần *“nhằm thẳng quân thù mà bắn”*. Trong 4 năm, từ ngày 5 - 8 - 1964 đến 1 - 1 - 1968, quân dân miền Bắc bắn rơi 3.243 máy bay, bắn chìm 143 tàu chiến. Miền Bắc tiếp tục tăng cường chi viện chiến trường với tinh thần “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”.

Quân dân miền Nam đẩy mạnh cao trào đánh Mỹ, diệt ngụy, liên tiếp giành thắng lợi ở các trận Vạn Tường (8 - 1965), các chiến dịch mùa khô 1965 - 1966, mùa khô 1966 - 1967, đặc biệt là Tổng công kích mùa Xuân năm 1968 của quân dân miền Nam đã buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh, chấm dứt không điều kiện ném bom miền Bắc, chấp nhận rút quân viễn chinh Mỹ và chư hầu ra khỏi miền Nam và ngồi đàm phán với ta tại Hội nghị Paris (11 - 1968). Chiến lược “chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ bị phá sản hoàn toàn.

Đầu năm 1969, vừa trúng cử, Tổng thống Mỹ Nixon đề ra chiến lược *“Việt Nam hoá chiến tranh”*, âm mưu *dùng người Việt trị người Việt*, mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương. Ngày 6 - 6 - 1969, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ra đời, hoàn chỉnh hệ thống chính quyền cách mạng ở miền Nam Việt Nam.

Ngày 2 - 9 - 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời. Biến đau thương thành hành động cách mạng, quân dân miền Nam đẩy mạnh chống “Việt Nam hoá chiến tranh”, đánh bại cuộc hành quân Lam Sơn 719 của Mỹ ngụy (3 - 1971), mở cuộc tiến công chiến lược năm 1972 đánh vào

Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ. Quân dân miền Bắc đẩy mạnh khôi phục kinh tế, đánh trả cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai của đế quốc Mỹ.

Từ 18 đến 30 - 12 - 1972) quân dân Hà Nội lập chiến công lớn, trận “Điện Biên Phủ trên không” bắn rơi 81 máy bay, trong đó có 34 “pháo đài bay” B52 của đế quốc Mỹ; buộc Mỹ phải ký kết Hiệp định Paris (27 - 1 - 1973) công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, rút hết quân đội Mỹ và quân đồng minh của Mỹ ra khỏi miền Nam nước ta.

Thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào” và Chỉ thị của Bộ Chính trị, từ cuối năm 1974, quân dân ta mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 với ba đòn tiến công là chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Huế - Đà Nẵng và chiến dịch Hồ Chí Minh (từ 10 - 3 đến 30 - 4 - 1975), giải phóng hoàn toàn miền Nam, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

+ Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa và kinh nghiệm lịch sử

- Nguyên nhân thắng lợi

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là kết quả tổng hợp của nhiều nhân tố, trong đó sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định hàng đầu. Đảng có đường lối chính trị, quân sự và phương pháp cách mạng độc lập, tự chủ, đúng đắn, sáng tạo, tổng hợp.

Nhân dân cả nước ta chiến đấu gian khổ hy sinh vì có chính nghĩa. Thắng lợi đó là kết quả đấu tranh anh dũng của cán bộ, chiến sĩ và hàng chục triệu đồng bào yêu nước ở miền Nam ngày đêm đối mặt với quân thù, xứng đáng với danh hiệu “Thành đồng của Tổ quốc”.

Đó là kết quả của đồng bào và chiến sĩ miền Bắc vừa xây dựng, vừa chống chiến tranh phá hoại, vừa hoàn thành nghĩa vụ hậu phương lớn, chi viện tiền tuyến lớn đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Đó là kết quả của đoàn kết chiến đấu của nhân dân Việt Nam, Lào, Campuchia; sự ủng hộ hết lòng và sự giúp đỡ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa; sự ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới, kể cả nhân dân tiến bộ Mỹ.

- Ý nghĩa lịch sử

Nhân dân ta đã quét sạch bọn đế quốc xâm lược, chấm dứt ách thống trị tàn bạo hơn một thế kỷ của chủ nghĩa thực dân cũ và mới trên đất nước ta; mở ra kỷ nguyên mới: cả nước hoà bình, độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội.

Nhân dân ta đã đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược quy mô lớn nhất, dài ngày nhất của chủ nghĩa đế quốc kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, làm suy yếu, phá vỡ một phòng tuyến quan trọng của chủ nghĩa đế quốc ở Đông Nam Á, mở đầu sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân mới, góp phần tăng cường lực lượng xã hội chủ nghĩa, phong trào độc lập dân tộc, dân chủ và hoà bình thế giới.